

Số: 319/2020/QĐST-HNGĐ

M, ngày 08 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 300/2020/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện M, TP Hà Nội.

Bị đơn: Ông Hoàng Tiến A, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện M, TP Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Đỗ Thị D và ông Hoàng Tiến A.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể N sau:
 - 2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị D và ông Hoàng Tiến A thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã P, huyện M, thành phố Hà Nội cấp cho ông Hoàng Tiến A và bà Đỗ Thị D không còn giá trị pháp lý.

2.2 Về con chung: Ông, bà có bốn con chung, chị Hoàng Thị Vân A1 sinh ngày 09/9/1993, anh Hoàng Tiến D1 sinh ngày 03/3/1996, cháu Hoàng Thị N sinh ngày 14/9/2008 và cháu Hoàng Thị Q sinh ngày 31/01/2011. Hiện chị Vân A1, A1 D1 đều khỏe mạnh, trưởng thành, tự lập và có gia đình riêng nên ông A, bà D không có yêu cầu gì. Sau ly hôn giao cháu Hoàng Thị N và cháu Hoàng Thị Q cho bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi có sự thay đổi. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông A cho đến khi có yêu cầu mới.

- Ông A có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

2.3 Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đều thừa nhận đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Bà D, ông A mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D chịu cả phần án phí thay cho ông A nên bà D phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí. Xác nhận bà D đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo theo Biên lai thu tạm ứng số 3045 ngày 20/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, TP Hà Nội. Nay bà D được hoàn lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện M.
- THADS huyện M.
- UBND xã P, huyện M, TP Hà Nội.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN